BÀN VỀ CÔNG TÁC PHỤC VỤ KTTV

KS. Nguyễn Văn Long
Văn phòng Tổng cục KTTV

Tổng cục Khí tượng Thủy văn (KTTV) là cơ quan thuộc Chính phủ, có nhiệm vụ tổ chức điều tra cơ bản các yếu tố về KTTV, môi trường không khí và nước, và các hiện tượng KTTV; thu thập số liệu, dự báo KTTV, dự báo thời tiết và các hiện tượng KTTV nguy hiểm phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng trên khắp mọi miền đất nước, đặc biệt là phục vụ phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; tổng kết, đúc kết và nghiên cứu khoa học công nghệ đáp ứng mọi yêu cầu của các cấp, các ngành trong việc xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH). Vì vậy, công tác phục vụ KTTV của Ngành không những phải duy trì mà còn phải được tăng cường và nâng cao năng lực để tăng hiệu quả phục vụ, nhất là trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH). trong giai đoạn công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) đất nước. Do đó, đòi hỏi Tổng cục KTTV cần đẩy mạnh công tác xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy để quản lý và điều hành thống nhất mọi hoạt động KTTV trong cả nước.

Về công tác điều tra cơ bản, trải qua trên 50 năm xây dựng và phát triển, Ngành KTTV đã không ngừng trưởng thành, nên các quyết định quản lý Nhà nước do Tổng cục KTTV ban hành về các tiêu chuẩn kỹ thuật, như: các Quy trình quan trắc, Quy phạm khí tượng bề mặt, Quy phạm quan trắc khí tượng nông nghiệp, Quy phạm quan trắc mực nước, nhiệt độ, lưu lượng nước sông vùng có ảnh hưởng triều, Quy phạm quan trắc hải văn ven biển, Quy phạm quan trắc Pilot ... đã được biên soạn, sửa đổi, bổ sung nhiều lần, nên công tác điều tra cơ bản được thực hiện tốt và đi vào nề nếp.

Về lĩnh vực phục vụ KTTV đối với sự nghiệp phát triển KT-XH tuy không ngừng vươn lên qua các thời kỳ (từ năm 1955 - 1964, 1965 - 1975, 1976 - nay), phục vụ ngày càng tốt hơn và có hiệu quả hơn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, song các quyết định quản lý Nhà nước (QLNN) chưa được chú ý và đẩy mạnh, nhất là vào thời kỳ mở cửa, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, theo định hướng XHCN. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp quy dưới luật còn thiếu nhiều như: quy chế chung về phục vụ KTTV, quy định mô hình phục vụ KTTV đối với các Đài KTTV khu vực và Trung tâm dự báo KTTV tỉnh; quy định mức lệ phí khi khai thác, sử dụng tư liệu KTTV, quy định về các loại dịch vụ KTTV.... Và hiện nay còn thiếu cả đơn vị làm công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực phục vụ KTTV.

Trong chuyên môn nghiệp vụ dự báo KTTV, việc đánh giá chất lượng dự báo thời tiết hiện nay vẫn thực hiện theo "Quy định tạm thời về đánh giá thời tiết" ban hành từ năm 1969; trong khi nhu cầu phục vụ phát triển KT-XH đòi hỏi dự báo KTTV ngày càng nhiều, độ chính xác đòi hỏi ngày một cao; sự phát triển của kỹ thuật về công nghệ dự báo KTTV trong mấy chục năm gần đây làm nhiều nội dung trong quy định không còn thích hợp; quy định đánh giá hiện hành được xây dựng dựa trên những tiêu chí khí tượng - khí hậu ở Miền Bắc có độ biến động lớn, một số yếu tố không còn phù hợp với thời tiết, khí hậu ở Miền Nam; một số hiện tượng thời tiết, thủy văn nguy hiểm như: bão, gió mùa đông bắc, mưa lớn, lũ lớn ... chưa có quy chế đánh giá chính quy thống nhất.

Để từng bước nâng cao chất lượng dự báo và hiệu quả phục vụ KTTV đối với sự nghiệp phát triển KT-XH trên khắp mọi miền đất nước, đòi hỏi Ngành ta phải từng bước xây dựng và ban hành các quy định đánh giá về chất lượng dự báo KTTV, về chất lượng phục vụ và các quyết định QLNN về lĩnh vực phục vụ KTTV.

Điểm lại những thành tựu về công tác phục vụ KTTV qua các thời kỳ ta thấy:

- *Thời kỳ 1955 - 1964*: Ngành ta đã tiến hành tổ chức dự báo thời tiết, thủy văn hàng ngày phục vụ sản xuất và đời sống như: dự báo thời tiết cho khu vực Hà Nội, dự báo thời tiết phục vụ hàng hải, hàng không và dự báo mực nước trên hệ thống sông Hồng, phục vụ tưới tiêu và bảo vệ đê điều; cung cấp các dữ liệu KTTV phục vụ xây dựng một số công trình trọng điểm như: công trình đại thủy nông Bắc Hưng Hải, thủy điện Thác Bà, khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên; một số đề tài nghiên cứu khoa học mang nội dung ứng dụng đã được thực hiện như "Nghiên cứu, khảo sát tác hại của gió tây khô nóng và gió mùa đông bắc đối với lúa chiêm xuân, lúa mùa thời kỳ trỗ bông, nở hoa ".

- *Thời kỳ 1965 - 1975*: Công tác dự báo KTTV không những được mở rộng phạm vi (các tỉnh, thành phố Miền Bắc) và thời hạn dự báo (hạn vừa và dài) mà còn mở rộng đối tượng phục vụ, nhằm đáp ứng các yêu cầu sản xuất và chiến đấu; phục vụ phòng chống lụt bão (PCLB), giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ sản xuất, với phương châm " Lấy nông nghiệp làm trọng điểm phục vụ "; các hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật (trên 20 đề tài) và các ấn phẩm đã được xuất bản và lưu hành rộng rãi để phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Miền Bắc và chống Mỹ ở Miền Nam; cung cấp các tư liệu KTTV để làm luận chứng xây dựng một số công trình trọng điểm (thuỷ điện Hoà Bình, cầu Thăng Long).

- *Thời kỳ 1976 - nay*: Tiếp tục đáp ứng yêu cầu phục vụ phòng chống thiên tai (PCTT), bảo vệ sản xuất; tăng cường điều tra tổng hợp khí hậu, thủy văn, khí tượng nông nghiệp để phục vụ phát triển KT-XH vùng Tây Nguyên, đồng bằng Nam Bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu sản xuất, quốc phòng và đời sống nhân dân; công tác phục vụ còn phải vươn tới vùng sâu, vùng xa của tổ quốc, vươn ra biển cả và đi sâu vào phục vụ chuyên ngành, chuyên đề.

Qua các thời kỳ, công tác phục vụ KTTV của Ngành từng bước vươn lên và phát triển. Lĩnh vực phục vụ KTTV có tầm quan trọng như vậy, song mãi tới năm 1985 Phòng Phục vụ KTTV thuộc Tổng cục KTTV mới được thành lập để từng bước thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác phục vụ KTTV.

Theo Nghị định 62/CP, ngày 11-7-1994 của Chính phủ về "Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục KTTV " Phòng Phục vụ KTTV không còn trong thành phần cơ cấu tổ chức trong Ngành, gần như chức năng nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lĩnh vực này chưa được quan tâm đúng mức, trong khi đó nhu cầu phục vụ đời sống, phát triển KT-XH trong giai đoạn CNH, HĐH đất nước ngày càng nhiều, hiệu quả phục vụ đòi hỏi ngày một cao, nhất là phục vụ theo chuyên ngành chuyên đề. Trong nhiều năm gần đây công tác phục vụ KTTV có nhiều tiến bộ song còn hạn chế về chất lượng, do thiếu phương tiện và điều kiện kỹ thuật, tổ chức và điều hành, vì vậy, hiện nay dịch vụ KTTV có xu thế giảm dần về số lượng hợp đồng và đối tượng phục vụ. Mặt khác, Ngành ta còn thiếu nhiều cơ sở pháp lý để mở rộng hoạt

động phục vụ KTTV, như về tính bắt buộc, về mức độ bảo đảm chất lượng cho phép, về đơn gía thống nhất.

Điểm lại hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực phục vụ KTTV gồm có :

- Văn bản quy phạm pháp luật cấp trên:

+ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình KTTV, công bố ngày 10 tháng II năm 1994.

+ Nghị định số 24/CP, ngày 19-III-1997 của Chính phủ " Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình KTTV ".

+ Quy chế báo bão, lũ (Ban hành kèm theo Quyết định số 581/TTg ngày 25 tháng VII năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ), thay thế Quy chế báo bão năm 1980.

- Văn bản quy phạm pháp luật cấp Tổng cục

+ Quyết định 226/KTTV ngày 31 tháng VII năm 1981 của Tổng cục KTTV về việc ký kết và thực hiện hợp đồng KTTV theo yêu cầu dùng riêng.

+ Thông tư số 395 TV/KTTV ngày 15 tháng IX năm 1987 của Tổng cục KTTV về việc hướng dẫn thực hiện QĐ 226/KTTV.

+ Văn bản số 206 KTTV/PV ngày 4 tháng VI năm 1990 của Tổng cục KTTV quy định nội dung, nhiệm vụ và chỉ tiêu đánh giá phân loại công tác phục vụ KTTV ở các Đài KTTV tỉnh, thành phố.

+ Quyết định số 367 KTTV/PV ngày 12 tháng XII năm 1990 về việc Ban hành quy chế tạm thời về dịch vụ KTTV cho chuyên ngành dầu khí.

Nhìn chung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên còn thiếu, chưa đủ cơ sở pháp lý để mở rộng và đẩy mạnh công tác phục vụ KTTV, một số văn bản quy phạm pháp luật cấp Tổng cục không còn phù hợp với với cơ cấu tổ chức mới (theo Nghị định 62/CP) và tình hình KT-XH hiện nay. Do đó, đòi hỏi Ngành KTTV phải có kế hoạch từng bước xây dựng các dự án dưới luật, cấp Chính phủ ban hành và cấp Tổng cục ban hành.

Quyết định QLNN có tầm quan trọng và có ý nghĩa rất lớn, vì đó là những cơ sở pháp lý, những tín hiệu điều khiển, những quy định cụ thể để Tổng cục KTTV tổ chức, chỉ đạo, điều hành các đơn vị trực thuộc Tổng cục thực hiện; các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị và các tổ chức kinh tế (trong và ngoài nước) có nhu cầu về phục vụ KTTV đều có trách nhiệm thực hiện. Các quyết định QLNN là những sản phẩm sáng tạo, thể hiện quyền lực, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Lãnh đạo. Hiệu lực QLNN phần lớn phụ thuộc vào nội dung, tính pháp luật, tính khoa học chặt chẽ của văn bản và biện pháp tổ chức thực hiện chúng. Việc chuẩn bị quyết định, ra quyết định phải tuân theo một quy trình chặt chẽ, đồng thời người ra quyết định phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Điều kiện cần và đủ để ra Quyết định QLNN bao gồm

a) Điều kiện cần

- Bảo đảm tính chính trị và pháp luật, nghĩa là phải xuất phát từ quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước; quyết định QLNN không trái với Hiến pháp và Pháp luật.

- Bảo đảm tính quần chúng: điều tra, nghiên cứu các ý kiến tham gia của các đơn vị, các chuyên gia trước khi ban hành quyết định QLNN. Trong quá trình tổ chức thực hiện còn cần điều chỉnh, bổ sung quyết định sao cho phù hợp với thực tế.

- Bảo đảm tính khoa học: phù hợp với quy luật khách quan, điều kiện thực tế và đúng thẩm quyền pháp lý.

- Tính cụ thể: phải thiết thực và kịp thời.

b) Điều kiện đủ

- Những căn cứ phát sinh từ thực tế để đề xuất ra các quyết định QLNN và đưa những dự kiến đó vào kế hoạch; tổ chức nghiên cứu, điều tra và thu thập ý kiến về ý định ra các quyết định QLNN.

- Các bước ra quyết định QLNN: có 4 bước (điều tra nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin; đánh giá tình hình; lập phương án và chọn phương án; soạn thảo quyết định, thông qua quyết định và ra quyết định).

- Tổ chức thực hiện quyết định QLNN: có 3 bước (chuyển quyết định đến đối tượng quản lý, tổ chức lực lượng thực hiện quyết định, thông tin phản hồi và điều chỉnh quyết định).

Từ những điều phân tích trên, qua bài báo này tôi mạnh dạn đề xuất các giai đoạn tiến hành để ra các quyết định QLNN như sau :

* *Giai đoạn 1*: Nghiên cứu các pháp lệnh, các nghị định đã ban hành có liên quan đến các hoạt động KTTV để có căn cứ đề ra các văn bản pháp quy (dưới luật).

* *Giai đoạn 2*: Kiểm kê, phân tích, đánh gía các quyết định QLNN đã ban hành trước đây về lĩnh vực phục vụ KTTV, xem có còn phù hợp với pháp luật, chủ trương đường lối, chính sách chế độ của Đảng và Nhà nước không, nhất là trong quá trình đổi mới về tư duy kinh tế, vận hành theo cơ chế thị trường, theo định hướng XHCN để sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ.

* *Giai đoạn 3*: Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu về phục vụ KTTV mà đề xuất cần xây dựng quyết định QLNN nào để làm cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động về lĩnh vực phục vụ KTTV.

Để có thể thực hiện được các giai đoạn kể trên xin có những kiến nghị sau:

1. Tổng cục cần có phương án đưa lĩnh vực phục vụ KTTV của Ngành ngang tầm với nhiệm vụ được giao như lĩnh vực điều tra cơ bản. Vì vậy, trong cơ cấu tổ chức của Ngành cần có đơn vị giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác phục vụ KTTV.

2. Thủ trưởng đơn vị quản lý công tác phục vụ KTTV phải là người có trình độ, đủ năng lực, năng động và uy tín để tổ chức và điều hành công việc....

3. Phải có phương hướng, kế hoạch cụ thể về xây dựng các văn bản pháp quy về lĩnh vực phục vụ KTTV.

4. Tổ chức thực hiện các tốt các quyết định QLNN, có sơ kết, tổng kết kịp thời để rút nghiệm, sửa đổi và bổ sung, hoặc nếu thấy không đúng cần huỷ bỏ ngay.

Tóm lại, để quản lý tốt công tác phục vụ KTTV cần phải ra các quyết định QLNN đúng, kịp thời và tổ chức thực hiện tốt các quyết định đó ./.

Tài liệu tham khảo

1. 50 năm xây dựng và phát triển Ngành KTTV (1945 - 1995)

(tiếp theo trang 14)

hoạch sử dụng trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

2.7 Nâng cao nhận thức công chúng thông qua việc tuyên truyền, phổ biến về biến đổi khí hậu.

III. Kết luận

1. Việt Nam nằm ở một trong những khu vực chịu ảnh hưởng nhiều nhất của các thiên tai có nguồn gốc từ các hiện tượng khí tượng thủy văn như bão, lũ lụt, hạn, rét hại,... và nhiều thiên tai khác. Việt Nam lại có bờ biển dài hơn 3200 km với những đồng bằng thấp ven biển, nơi tập trung đông dân cư và đồng thời là trung tâm kinh tế xã hội chủ yếu. Do đó, những tác động của biến đổi khí hậu theo chiều hướng xấu đi đối với Việt Nam là rất nghiêm trọng.

2. Trong những năm qua, tần suất và cường độ của thiên tai ảnh hưởng đến Việt Nam ngày càng tăng, gây thiệt hại nhiều về người và của.

3. Việt Nam rất quan tâm đến phát triển bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời mong muốn cùng cộng đồng quốc tế tham gia bảo vệ bầu khí quyển trái đất. Trong khi phải đối mặt với những vấn đề khó khăn về kinh tế, chúng ta cũng sẵn sàng thực hiện các biện pháp có lợi cho khí hậu trên cơ sở có sự giúp đỡ đầy đủ của quốc tế về công nghệ và tài chính.

4. Tổng cục Khí tượng Thủy văn là cơ quan được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ là đầu mối chủ trì thực hiện các hoạt động nhằm thực hiện các cam kết của Việt Nam đối với Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto. Tổng cục Khí tượng Thủy văn sẽ tiến hành hoàn thiện dự thảo chương trình quốc gia thực hiện Công ước và Nghị định thư đó. Chương trình này sẽ có sự đóng góp của tất cả các Bộ, Ngành liên quan và trình Nhà nước phê duyệt. Chương trình này cũng sẽ được thông báo với các cơ quan của Công ước và các nước khác để yêu cầu cung cấp các nguồn tài chính và công nghệ.